

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TIỀN GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:502/2023/DS-PT
Ngày: 12 - 9 - 2023
V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Ông Võ Thanh Bình

+ Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hà Phan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2023/TLPT-DS ngày 14/7/2023 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 05-5-2023 của Tòa án nhân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 695/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt C, sinh năm 1951;
Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1978;
Địa chỉ: 1 L, phường F, tp. M, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc C1, sinh năm 1954;
Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T: Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Khu phố B, Phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2023).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T: Luật sư Võ Trọng K - Đoàn Luật sư thành phố H.
-Người kháng cáo: ông Nguyễn Khắc T.
(Có mặt bà M, bà T1 và Luật sư Võ Trọng K).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo án sơ thẩm:*

-Nguyên đơn Nguyễn Việt C và đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Ông Nguyễn Việt C là chủ sử dụng thửa đất số 976 (theo tài liệu 299) diện tích 4500m² đất trồng lúa tại ấp M, xã N, huyện C (nay là khu phố M, phường N), thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Giai đoạn từ năm 1978 đến năm 1982, nhà nước trưng dụng một phần thửa 976 để làm kênh Máng Nổi phục vụ nhu cầu của nhân dân, thửa đất 976 còn lại là 2730m². ông C kê khai vào sổ mục kê của xã N. Giáp với đất của ông C là đất của ông Nguyễn Hữu C2, Lê Trọng C3, kênh H và đường C.

Năm 1999, do làm ăn thua lỗ nên ông C2 chuyển nhượng phần đất còn lại thửa 976 cho ông Nguyễn Khắc C1 và ông C1 được cấp giấy chứng nhận vào ngày 10/02/1999 với diện tích là 2369m². Riêng diện tích đất kênh Máng Nổi ông C2 không có chuyển nhượng cho ông C1 vì nhà nước đã trưng dụng nên ông C2 không có quyền chuyển nhượng.

Đến năm 2018 – 2019, nhà nước có chủ trương trả lại phần đất kênh Máng Nổi cho chủ sử dụng cũ. Ngày 10/12/2021, Hội đồng hòa giải phường N đã tổ chức hòa giải tranh chấp giữa ông C2 và ông C1, ông C1 đồng ý nguồn gốc đất kênh Máng Nổi là của ông Nguyễn Việt C nhưng khi ông làm hồ sơ đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Khắc T ngăn cản không cho đo đạc.

Ông Nguyễn Việt C yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T trả lại cho ông Nguyễn Việt C diện tích đất kênh Máng Nổi khoảng 1.400m² theo hồ sơ đo đạc chính quy là thửa đất số 920, tờ bản đồ số 10, tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và ông C được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận thửa đất theo quy định.

-Bị đơn ông Nguyễn Khắc C1 trình bày:

Xác định diện tích đất kênh Máng Nổi đang tranh chấp hiện do ông Nguyễn Khắc T quản lý, sử dụng, bản thân ông cũng như gia đình ông không có tài sản gì trên đất tranh chấp.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Ông không đồng ý giao trả đất cho ông Nguyễn Việt C vì đất này là của mẹ ruột ông tên Phan Thị D đã mua và cho ông quản lý, canh tác từ năm 1992 đến nay, ông đã trồng cây và bơm cát lấp đất khoảng 1.600m³, nếu trả đất phải tính giá trị tài sản trên đất cho ông với tổng số tiền 100.000.000 đồng.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điểm b Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai; Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt C đòi ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T trả diện tích đất 556,5m².

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Việt C.

- Buộc ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T phải trả lại cho ông Nguyễn Việt C diện tích đất 843,5m² (đất kênh Máng Nổi) thuộc thửa đất số 920, tờ bản đồ 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo).

- Ông Nguyễn Việt C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 843,5m² (đất kênh M) thuộc thửa đất số 920 tờ bản đồ 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Ghi nhận ông Nguyễn Việt C tự nguyện thanh toán lại giá trị cây trồng và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Khắc T số tiền là 65.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Việt C được quản lý, sử dụng cây trồng và tài sản trên thửa đất số 920 tờ bản đồ 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang mà không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 18/5/2023, Ông Nguyễn Khắc T có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét cho ông Nguyễn Khắc T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khắc T) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận cho ông Nguyễn Khắc T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 843,5m² thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10, tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M (đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Việt C) không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T và đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 (đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Khắc C1) trình bày ông Nguyễn Khắc C1 không quản lý, sử dụng phần đất diện tích 843,5m² thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10, tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Trên phần đất này không có tài sản của ông C1 nên ông C1 không có yêu

cầu gì trong vụ án này. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

- Ý kiến tranh luận của Luật sư Võ Trọng K:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Khắc C1 vì ông C1 đã có lời khai phần đất tranh chấp do ông Nguyễn Khắc T canh tác, sử dụng từ năm 1992, trên đất không có tài sản của ông C1 và phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C1 nên ông C1 không phải là bị đơn trong vụ án.

Trên phần đất tranh chấp có tài sản của vợ chồng ông T gồm nhà trại, cây trái và hồ nuôi cá nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ, con ông T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

2. Về nội dung: Tại biên bản hòa giải ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường N, bà M (đại diện theo ủy quyền của ông C) thừa nhận trước đây gia đình ông C có chuyển nhượng phần đất ruộng cho bà D mẹ ruột của ông C1 và ông T, nên ông C1 và ông T không có nghĩa vụ phải chứng minh là bà D đã nhận chuyển nhượng 4225m² đất của ông C. Ông C khởi kiện nhưng không cung cấp được bất kỳ một loại giấy tờ nào chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của ông C. Ông T là người trực tiếp sử dụng đất và sử dụng liên tục từ năm 1992 đến nay nhưng ông C không ngăn cản, vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T làm trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

2. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Ông Nguyễn Khắc T kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét cho ông Nguyễn Khắc T

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 920, tờ bản đồ số 10, diện tích 843,5m² tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ kháng cáo: ông T cho rằng phần đất nêu trên do mẹ của ông T là bà Phan Thị D nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Việt C vào năm 1992 với diện tích 4500m². Khi nhận chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay nhưng ông T không còn lưu giữ. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà D giao cho ông T sử dụng liên tục từ năm 1992 đến nay, còn việc ông Nguyễn Khắc C1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là theo ý của bà D, vì vậy ông T không đồng ý trả đất cho ông C, đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận cho ông T được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các đương sự thống nhất trình bày phần đất tranh chấp có diện tích 843,5m² (đất kênh M) có nguồn gốc của ông Nguyễn Việt C, hiện nay thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10, tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 15/3/2023, ông Nguyễn Hữu D1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, T, tỉnh Tiền Giang cung cấp thông tin như sau: Kênh Máng Nổi trên địa phận phường N, thị xã C (trước đây là xã N, huyện C), tỉnh Tiền Giang được nhà nước vận động đào để phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp, được người dân đồng thuận mà không có quyết định trưng dụng, thu hồi vì lúc bấy giờ chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thời điểm trưng dụng vào cuối năm 1981, đến năm 1982 đưa vào sử dụng; diện tích cụ thể của từng hộ gia đình, cá nhân đưa đất vào kênh Máng nổi không xác định được; lúc trưng dụng phần đất kênh Máng Nổi thì ông Nguyễn Việt C là người được gia đình giao trực tiếp sử dụng phần đất trưng dụng; hiện theo sơ đồ đo đạc chính quy thể hiện là thửa 920, diện tích 843,5m².

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông T và ông C1 là bà Nguyễn Thị Thanh T1 thừa nhận kênh Máng Nổi hình thành vào năm 1981 – 1982. Bà T1 cho rằng bà Phan Thị D là mẹ của ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T đã mua diện tích đất này của ông Nguyễn Việt C vào năm 1992 nhưng ông Nguyễn Việt C và đại diện ủy quyền của ông C không thừa nhận, mà bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Xét thấy tại thời điểm năm 1992 phần đất kênh Máng nổi thuộc sự quản lý của nhà nước, nên việc bà T1 cho rằng ông C đã chuyển nhượng cả phần đất kênh Máng Nổi cho gia đình ông C1, ông T là không phù hợp thực tế.

Ông Nguyễn Việt C và đại diện ủy quyền của ông C là bà Nguyễn Thị Tuyết M cho rằng năm 1981 -1982 nhà nước trưng dụng một phần diện tích của thửa 976 để làm kênh Máng Nối, phần còn lại có diện tích 2369m² ông C kê khai vào sổ mục kê ruộng đất của xã N, đến năm 1999 ông C chuyển nhượng cho ông C1 và ông C1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án (bút lục 75 - 84). Do vậy, việc ông C1 và ông T cho rằng ông C đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị D 4500m² bao gồm luôn cả phần đất kênh Máng Nối là không có căn cứ.

Ngoài ra, tại biên bản hòa giải thành ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường N, thị xã C thể hiện nội dung ông C1 thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Việt C, ông C1 không xuất trình được giấy tờ mua bán đất giữa ông C và gia đình ông C1 nên đề nghị hội đồng hòa giải căn cứ vào Luật Đất đai để giải quyết. Hội đồng hòa giải kết luận: Qua kiểm tra đối chiếu và xác minh thì phần đất kênh Máng Nối có nguồn gốc của ông Nguyễn Việt C, do ông Nguyễn Khắc C1 nhầm lẫn trong việc ngỡ mình đã mua hết đất của ông Nguyễn Việt C nên ông và gia đình đã canh tác và sản xuất trên phần đất kênh Máng Nối này khoảng 15 năm (bút lục 04 -06).

Tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2022 của Ủy ban nhân dân phường N, thị xã C, ông C1 xác định bà Phan Thị D đã mua hết phần đất kênh Máng Nối và phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có viết giấy tay nhưng bị mất. Còn ông C xác nhận chỉ bán cho bà D phần đất ruộng, không có bán phần đất kênh Máng Nối như ông C1 trình bày (bút lục 08). Cho nên việc bà T1 tại phiên tòa cho rằng ông C thừa nhận đã chuyển nhượng hết đất cho bà D với giá 1,3 cây vàng/công đất là không đủ cơ sở.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/3/2023, ông Nguyễn Khắc C1 xác định diện tích đất kênh Máng Nối đang tranh chấp hiện do ông Nguyễn Khắc T quản lý sử dụng, bản thân ông cũng như gia đình ông không có tài sản trên đất, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bản án sơ thẩm buộc ông C1 và ông T phải trả lại ông Nguyễn Việt C 843,5m² đất kênh máng Nối nhưng ông C1 không kháng cáo bản án, điều đó chứng tỏ ông C1 đã thừa nhận phần đất tranh chấp nêu trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Việt C.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Khắc T có lời trình bày ông không đồng ý trả đất cho ông Nguyễn Việt C, nếu trả đất phải tính giá trị tài sản trên đất cho ông với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Như vậy ông T cũng thừa nhận phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Việt C do ông T

chiếm hữu, sử dụng. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản thì tài sản trên đất của ông T gồm 21 cây dừa B1; 03 cây dừa loại C; 01 cây xoài cát hòa lộc loại B2; 01 bụi tre măng loại B2; 04 bụi chuối loại B2; Hồ cá 50m²; Tường xây gạch: 1,5m x 8,5m; Hàng rào lưới B40: 1,8 m x 52,14m, tổng giá trị tài sản trên đất tranh chấp là 62.475.000 đồng. Ông T yêu cầu ông C phải thanh toán cho ông T 100.000.000 đồng là không phù hợp. Ông C tự nguyện thanh toán cho ông T 65.000.000 đồng là đã có lợi cho ông T nên được hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những căn cứ như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt C; buộc ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T phải giao trả 843,5m² đất thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn Việt C, đồng thời ghi nhận việc ông C tự nguyện thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông T với số tiền 65.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai. Ông T kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào khác, do vậy hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Xét tranh luận và đề nghị của Luật sư, hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về việc xác định tư cách bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Khắc C1 là bị đơn, còn ông Nguyễn Khắc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày ông T và vợ con ông T có nhà riêng và sinh sống tại nhà riêng ở khu phố M, phường N, thị xã C, còn phần đất tranh chấp thuộc khu phố M, phường N, thị xã C, trên đất không có nhà ở của vợ chồng ông T mà chỉ có tài sản của ông T gồm cây trồng, hồ cá, hàng rào lưới B40. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ, con ông T vào tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Luật sư cho rằng các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông T nên phải đưa vợ ông T vào tham gia tố tụng là không cần thiết, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận việc ông Nguyễn Việt C tự nguyện thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Khắc T với số tiền là 65.000.000 đồng, nếu ông T và vợ ông T có tranh chấp về số tiền này thì khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác. Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng nên hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư về việc hủy bản án sơ thẩm.

Đối với tranh luận và đề nghị của Luật sư về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

4. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

5. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 100, Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018; Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt C đòi ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T trả diện tích đất 556,5m².

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Việt C.

- Buộc ông Nguyễn Khắc C1 và ông Nguyễn Khắc T phải trả lại cho ông Nguyễn Việt C diện tích đất 843,5m² (đất kênh Máng Nổi) thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

- Ông Nguyễn Việt C được quyền đăng ký kê khai với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định.

- Ghi nhận ông Nguyễn Việt C tự nguyện thanh toán lại giá trị cây trồng và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Khắc T số tiền là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Khắc T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Việt C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thi hành tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Ông Nguyễn Việt C được sở hữu, sử dụng cây trồng và tài sản trên thửa đất số 920, tờ bản đồ số 10, diện tích 843,5m² tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang không ai được quyền cản trở.

- Buộc ông Nguyễn Khắc T phải giao các tài sản nêu trên cho ông Nguyễn Việt C sở hữu, sử dụng.

2/-Về án phí: Ông Nguyễn Khắc T và ông Nguyễn Khắc C1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Khắc T còn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018536 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của C4 cụ Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Việt C.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 12/9/2023 có mặt các đương sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy